

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

Báo cáo của Ban Giám đốc

và

Các Báo cáo Tài chính riêng đã được kiểm toán

31 tháng 12 năm 2009

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán riêng	4 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 41

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
Ông Tạ Tuấn Quang	Thành viên
Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
Ông Don Di Lâm	Thành viên
Ông Lars Kjaer	Thành viên
Ông Chu Quang Vũ	Thành viên

Miễn nhiệm ngày 3 tháng 8 năm 2009

BAN GIÁM ĐỐC

Ông Trần Tuấn Dương	Tổng Giám đốc
Ông Kiều Chí Công	Phó Tổng Giám đốc

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

	2009	2008
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận thuần sau thuế trong năm	1.197.994.908.171	789.387.094.447
Trong đó:		
<i>Cổ tức và lợi nhuận từ các khoản đầu tư vào công ty con đã nhận trong năm</i>	<i>581.733.764.380</i>	<i>330.540.730.604</i>
Cổ tức trả trong năm	392.777.176.000	449.647.586.000
Cổ tức công bố nhưng chưa trả trong năm	788.180.000	837.360.000
Lợi nhuận để lại vào cuối năm	917.152.133.613	192.458.221.442

CÁC SỰ KIỆN TRONG NĂM

Trong năm Công ty đã mua lại 50% vốn chủ sở hữu của công ty Cổ phần Năng lượng Hiệp Sơn (nay là Công ty Cổ phần Năng lượng Hòa Phát) và 99,71% vốn chủ sở hữu của công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản An Thông. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 7 ngày 10 tháng 11 năm 2009 của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản An Thông, Công ty cam kết sẽ góp thêm 130 tỷ đồng Việt Nam vào Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản An Thông để tăng mức sở hữu lên 99,9%.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty kiểm toán Ernst & Young bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty đã cam kết với Hội đồng quản trị rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính riêng.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính riêng kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc:

Trần Tuấn Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 10 tháng 3 năm 2010

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bằng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát ("Công ty"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính riêng") được trình bày từ trang 4 đến trang 41. Các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác, báo cáo kiểm toán đề ngày 17 tháng 3 năm 2009 đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 trên mức cần thiết với số tiền là 94,6 tỷ đồng Việt Nam và theo đó lợi nhuận cho năm 2008 của Công ty đã bị phản ánh thấp hơn một khoản tương ứng.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính riêng. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính riêng. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của các báo cáo tài chính riêng. Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát đã lập và phát hành các báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam. Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 10 tháng 3 năm 2010 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



Ernst & Young Vietnam Ltd.

Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Trần Phú Sơn

Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0637/KTV

Nguyễn Hồng Sơn

Nguyễn Hồng Sơn
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0646/KTV

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 10 tháng 3 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.061.991.371.253	1.299.192.852.302
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	695.802.179.591	177.607.212.264
111	1. Tiền		395.305.614.477	25.307.212.264
112	2. Các khoản tương đương tiền		300.496.565.114	152.300.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	5.000.000.000	435.400.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		5.000.000.000	435.400.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		508.302.404.805	301.761.519.731
131	1. Phải thu khách hàng		266.018.945.572	181.570.516.459
132	2. Trả trước cho người bán		9.299.365.785	14.006.864.680
135	3. Các khoản phải thu khác	6	232.984.093.448	106.184.138.592
140	IV. Hàng tồn kho	7	677.216.995.018	369.883.867.407
141	1. Hàng tồn kho		678.087.589.045	465.578.036.404
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(870.594.027)	(95.694.168.997)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		175.669.791.839	14.540.252.900
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.588.123.955	196.850.972
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	8	13.312.992.347	6.819.317.975
154	3. Thuế và các khoản phải thu khác từ Nhà nước		2.041.438	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	9	159.766.634.099	7.524.083.953

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.398.003.255.542	2.934.609.371.196
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		145.300.000.000	55.000.000.000
218	1. Phải thu dài hạn khác	10	145.300.000.000	55.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		426.183.083.581	482.367.293.173
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	247.789.175.965	311.763.009.972
222	Nguyên giá		537.391.011.552	528.316.252.231
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(289.601.835.587)	(216.553.242.259)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	172.918.070.028	170.538.479.256
228	Nguyên giá		174.973.162.663	172.217.754.163
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.055.092.635)	(1.679.274.907)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		5.475.837.588	65.803.945
250	III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	3.820.532.661.318	2.394.770.312.298
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.794.432.661.318	2.021.270.312.298
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		914.500.000.000	373.500.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		111.600.000.000	-
260	IV. Tài sản dài hạn khác		5.987.510.643	2.471.765.725
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	2.348.481.519	2.387.444.342
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	25.3	973.679.124	72.977.063
268	3. Tài sản dài hạn khác		2.665.350.000	11.344.320
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.459.994.626.795	4.233.802.223.498

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng	20.1	4.052.349.942.705	4.258.876.995.884
0	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	42.596.674.885	39.232.333.128
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	20.1	4.009.753.267.820	4.219.644.662.756
11	4. Giá vốn hàng bán	21	3.182.080.934.647	3.714.995.562.452
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		827.672.333.173	504.649.100.304
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính <i>Trong đó:</i> <i>Cổ tức và lợi nhuận từ các khoản đầu tư vào công ty con đã nhận trong năm</i>	20.2	631.216.646.408 581.733.764.380	443.394.820.259 330.540.730.604
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	22	127.410.109.929 19.800.089.881	68.444.659.531 22.641.667.310
24	8. Chi phí bán hàng		29.807.263.610	15.505.959.479
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		38.269.236.774	28.011.713.104
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.263.402.369.268	836.081.588.449
31	11. Thu nhập khác	23	5.261.261.442	13.247.591.474
32	12. Chi phí khác	23	457.967.306	1.433.105.636
40	13. Lợi nhuận khác	23	4.803.294.136	11.814.485.838
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.268.205.663.404	847.896.074.287
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.2	71.111.457.294	58.024.803.169
52	16. (Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	25.3	(900.702.061)	484.176.671
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		1.197.994.908.171	789.387.094.447

Chu

Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thanh Vân



Tổng Giám đốc
Trần Tuấn Dương

Ngày 10 tháng 3 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		1.268.205.663.404	847.896.074.287
	Lợi nhuận trước thuế			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	11,12	73.525.362.913	71.158.692.366
03	Các khoản dự phòng	7	(94.823.574.970)	96.188.670.047
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	121.455.022
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(629.665.800.571)	(424.147.855.156)
06	Chi phí lãi vay		19.800.089.881	22.641.667.310
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		637.041.740.657	613.858.703.876
09	Tăng các khoản phải thu		(300.959.151.309)	(32.761.948.495)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(212.509.552.641)	76.555.321.837
11	Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		14.431.063.640	11.350.783.144
12	Tăng chi phí trả trước		(2.352.310.160)	(968.210.649)
13	Tiền lãi vay đã trả		(19.479.644.784)	(22.276.682.631)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(18.520.614.124)	(69.132.079.183)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	34.237.178.282
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(176.619.473.429)	(9.754.034.296)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh		(78.967.942.150)	601.109.031.885
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	11, 12	(17.405.137.464)	(189.794.507.690)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		60.952.381	690.964.727
23	Tăng/(giảm) thuần số dư tiền gửi có kỳ hạn		360.400.000.000	(506.200.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		-	392.500.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.355.762.349.020)	(1.053.307.305.698)
26	Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác		-	200.000.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		627.964.771.616	390.151.717.729
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(384.741.762.487)	(765.959.130.932)

BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	528.760.000.000
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		3.203.925.417.030	1.410.921.016.366
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.825.541.450.523)	(1.315.579.709.089)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(392.777.176.000)	(449.647.586.000)
40	Lưu chuyển tiền và tương đương thuần từ hoạt động tài chính		985.606.790.507	174.453.721.277
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		521.897.085.870	9.603.622.230
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		177.607.212.264	168.060.437.591
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.702.118.543)	(56.847.557)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	695.802.179.591	177.607.212.264



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thanh Vân



Tổng Giám đốc
Trần Tuấn Dương

Ngày 10 tháng 3 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoà Phát (“Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gần đây nhất của Công ty là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 số 0900189284 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 12 tháng 12 năm 2008.

Theo công văn số 135/QĐ-SGDHCM ngày 31 tháng 10 năm 2007, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã chính thức chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát với mã cổ phiếu HPG.

Ngày 15 tháng 11 năm 2007, 132 triệu cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết và bắt đầu phiên giao dịch đầu tiên tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán số 101/2007-GCNCP-CNTTLK ngày 30 tháng 10 năm 2007 của chi nhánh Trung tâm Lưu ký Chứng khoán tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- ▶ Buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện, cán thép;
- ▶ Sản xuất cán, kéo thép, sản xuất tôn lợp;
- ▶ Sản xuất ống thép không mạ và có mạ, ống inox; và
- ▶ Đầu tư tài chính.

Công ty có trụ sở chính tại Giai Phạm, Yên Mỹ, Hưng Yên và có các chi nhánh sau:

- ▶ Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại Hà Nội;
- ▶ Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại Đà Nẵng; và
- ▶ Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có các công ty con sau:

- ▶ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát;
- ▶ Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát;
- ▶ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ống thép Hòa Phát;
- ▶ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Điện lạnh Hòa Phát;
- ▶ Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị Hòa Phát;
- ▶ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Hòa Phát;
- ▶ Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát;
- ▶ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Hòa Phát Lào;
- ▶ Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản An Thông; và
- ▶ Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên Hòa Phát – Bình Định.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 984 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 1.010 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập các báo cáo tài chính riêng

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập cho mục đích báo cáo cho các cơ quan Nhà nước hữu quan và để phục vụ mục đích quản trị nội bộ của Ban Giám đốc Công ty.

Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phát hành riêng biệt vào ngày 10 tháng 3 năm 2010.

2.2 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Bảng cân đối kế toán riêng, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

2.4 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đồng tiền kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam ("VNĐ").

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính riêng năm 2008 ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau

Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201") hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Thông tư 201 khác biệt so với các chính sách kế toán hiện hành đã được áp dụng trong các năm trước theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ("VAS 10") đã được Công ty áp dụng trong các năm tài chính trước liên quan đến việc ghi nhận chênh lệch do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái (tiếp theo)

Nghị quyết	Xử lý kế toán theo VAS 10	Xử lý kế toán theo Thông tư 201
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng	- Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh - Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng 5 năm tiếp theo.

Thông tư 201 được áp dụng phi hồi tố từ năm 2009 do không có quy định cụ thể về việc áp dụng hồi tố trong thông tư này. Nếu Công ty tiếp tục áp dụng VAS 10 cho năm 2009 thì lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận thêm vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng sẽ là 6.736.706.546 đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.3 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|---|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - | chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - | giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.4 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cần trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự mà công ty không thể thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.5 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như một tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị khoản chi phí thuê đất, đền bù và giải phóng mặt bằng.

3.7 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	35 năm
Phần mềm máy tính	3 – 6 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 12 năm
Máy móc thiết bị	3 – 10 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 – 7 năm

Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán là chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.11 Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.12 Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng Thông tư 201 về các nghiệp vụ bằng ngoại tệ từ năm 2009.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản tài sản, công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ vào ngày lập bảng cân đối kế toán được phản ánh ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm</i> VNĐ	<i>Số đầu năm</i> VNĐ
Tiền mặt	1.074.232.554	1.298.071.651
Tiền gửi ngân hàng	394.231.381.923	24.009.140.613
Các khoản tương đương tiền	300.496.565.114	152.300.000.000
	695.802.179.591	177.607.212.264

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

Công ty đang thế chấp các khoản tiền gửi bằng tiền Việt Nam đồng và tiền ngoại tệ tại ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Hà Thành cho khoản vay tại ngân hàng này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 số dư tài khoản của Công ty tại ngân hàng này là 64.336.544 đồng Việt Nam và 565 đô la Mỹ.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm</i> VNĐ	<i>Số đầu năm</i> VNĐ
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	365.800.000.000
Cho các công ty con vay	-	44.600.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	5.000.000.000	25.000.000.000
	5.000.000.000	435.400.000.000

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 1 năm. Lãi sẽ được tính theo thời gian và số tiền thực gửi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Cho vay không lãi	210.000.000.000	70.800.000.000
Đặt cọc	17.466.540.000	-
Lãi tiền gửi trích trước	1.704.060.717	32.022.058.194
Phải thu ngắn hạn khác	3.813.492.731	3.362.080.398
	232.984.093.448	106.184.138.592

Cho vay không lãi phản ánh các khoản vay tín chấp, không lãi cấp cho công ty con với chi tiết như sau:

<i>Tên công ty vay</i>	<i>Hợp đồng vay</i>	<i>31 tháng 12 năm</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>
		<i>2009</i>	
		<i>VNĐ</i>	
Công ty TNHH Ông thép Hòa Phát	01/VLĐ/2009	63.000.000.000	Ngày 6 tháng 1 năm 2010
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát	12/HD/TDHP	136.000.000.000	Tháng 5 năm 2010
	15/HD/TDHP	11.000.000.000	Tháng 1 năm 2010
		210.000.000.000	

7. HÀNG TỒN KHO

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Hàng mua đang đi trên đường	177.364.531.437	119.704.434.120
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	335.445.595.879	220.738.081.924
Công cụ, dụng cụ	40.805.432.500	31.149.971.928
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	6.359.500
Thành phẩm	124.067.922.472	80.221.404.060
Hàng hóa	404.106.757	13.757.784.872
	678.087.589.045	465.578.036.404

Công ty đang thế chấp thép thành phẩm với tổng giá trị thế chấp theo các hợp đồng vay thế chấp là 15 triệu đô la Mỹ cho khoản vay tại ngân hàng ANZ.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu kỳ	(95.694.168.997)	(124.274.450)
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	(95.694.168.997)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	94.823.574.970	124.274.450
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối kỳ	(870.594.027)	(95.694.168.997)

Trong năm Công ty đã hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trích lập từ đầu kỳ với giá trị là 94.823.574.970 đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG ĐƯỢC KHẤU TRỪ

	<i>Số cuối năm</i> VNĐ	<i>Số đầu năm</i> VNĐ
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	13.312.992.347	6.819.317.975
	13.312.992.347	6.819.317.975

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Số cuối năm</i> VNĐ	<i>Số đầu năm</i> VNĐ
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	6.342.690
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	242.337.251	898.039.099
Đặt cọc, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	159.524.296.848	6.619.702.164
	159.766.634.099	7.524.083.953

Đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn phản ánh các khoản tiền ký quỹ mở L/C tại ngân hàng để thanh toán cho các hợp đồng nhập khẩu mua vật tư của Công ty và khoản tiền đặt cọc của Công ty để mua bán, sáp nhập công ty.

10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

	<i>Số cuối năm</i> VNĐ	<i>Số đầu năm</i> VNĐ
Cho vay không lãi	145.300.000.000	55.000.000.000
	145.300.000.000	55.000.000.000

Công ty cho công ty Cổ phần Xây Dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát vay không tính lãi trong theo các hợp đồng sau.

<i>Tên công ty vay</i>	<i>Hợp đồng vay</i>	<i>31 tháng 12 năm</i> 2009 VNĐ	<i>Kỳ hạn trả gốc</i> VNĐ
Công ty Cổ phần Xây Dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	13/HD/TDHP	25.000.000.000	Ngày 23 tháng 12 năm 2011
	14/HD/TDHP	69.200.000.000	Ngày 28 tháng 12 năm 2010
	09/VLĐ/TDHP	43.800.000.000	Ngày 6 tháng 2 năm 2011
	11/HĐ/TĐHP	7.300.000.000	Ngày 3 tháng 9 năm 2011
		145.300.000.000	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i> VNĐ	<i>Máy móc thiết bị</i> VNĐ	<i>Phương tiện vận tải</i> VNĐ	<i>Trang thiết bị văn phòng</i> VNĐ	<i>Tổng cộng</i> VNĐ
Nguyên giá:					
Số dư đầu năm	86.853.725.137	404.607.634.796	35.205.865.058	1.649.027.240	528.316.252.231
- Mua trong năm	810.669.761	2.873.826.742	4.054.067.267	1.690.895.606	9.429.459.376
- Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	65.803.945	-	-	-	65.803.945
- Chuyển góp vốn Công ty TNHH Hòa Phát Lào	-	(255.568.000)	-	-	(255.568.000)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(164.936.000)	-	(164.936.000)
Số dư cuối năm	87.730.198.843	407.225.893.538	39.094.996.325	3.339.922.846	537.391.011.552
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	208.320.779	1.170.090.969	886.680.421	2.796.092.169
Giá trị hao mòn:					
Số dư đầu năm	30.627.620.276	175.102.112.806	9.774.777.280	1.048.731.897	216.553.242.259
- Khấu hao trong năm	8.823.720.778	58.598.044.597	5.256.541.284	471.238.526	73.149.545.185
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(100.951.857)	-	(100.951.857)
Số dư cuối năm	39.451.341.054	233.700.157.403	14.930.366.707	1.519.970.423	289.601.835.587
Giá trị còn lại:					
Số dư đầu năm	56.226.104.861	229.505.521.990	25.431.087.778	600.295.343	311.763.009.972
Số dư cuối năm	48.278.857.789	173.525.736.135	24.164.629.618	1.819.952.423	247.789.175.965
<i>Trong đó:</i>					
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp</i>	159.674.000.000	126.453.132.453	-	-	286.127.132.453

Nhà xưởng và máy móc thiết bị với tổng giá trị còn lại là 286.127.132.453 đồng Việt Nam đã được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất</i> VNĐ	<i>Bản quyền, phần mềm máy tính</i> VNĐ	<i>Tổng cộng</i> VNĐ
Nguyên giá:			
Số dư đầu năm	171.156.068.763	1.061.685.400	172.217.754.163
- Mua trong năm	2.755.408.500	-	2.755.408.500
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>173.911.477.263</u>	<u>1.061.685.400</u>	<u>174.973.162.663</u>
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	22.000.000	22.000.000
Giá trị hao mòn:			
Số dư đầu năm	1.632.726.780	46.548.127	1.679.274.907
- Tăng trong năm	202.536.828	173.280.900	375.817.728
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>1.835.263.608</u>	<u>219.829.027</u>	<u>2.055.092.635</u>
Giá trị còn lại:			
Số dư đầu năm	<u>169.523.341.983</u>	<u>1.015.137.273</u>	<u>170.538.479.256</u>
Số dư cuối năm	<u>172.076.213.655</u>	<u>841.856.373</u>	<u>172.918.070.028</u>

Quyền sử dụng đất của khu đất với diện tích 559m² tại số 10 Trần Hưng Đạo là quyền sử dụng đất lâu dài và không được khấu hao.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm</i> VNĐ	<i>Số đầu năm</i> VNĐ
Đầu tư vào công ty con	2.794.432.661.318	2.021.270.312.298
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	914.500.000.000	373.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	111.600.000.000	-
	<u>3.820.532.661.318</u>	<u>2.394.770.312.298</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty con

Tên đơn vị	Giá trị đầu tư	
	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát	139.500.000.000	139.500.000.000
Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát	199.000.000.000	199.000.000.000
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	254.500.000.000	199.500.000.000
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	149.500.000.000	149.500.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	299.000.000.000	149.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	49.500.000.000	49.500.000.000
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát	1.275.000.000.000	705.300.000.000
Công ty Cổ phần Thép cán tấm Kinh Môn (1)	-	425.000.000.000
Công ty TNHH Hòa Phát Lào	13.401.861.318	4.970.312.298
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản An Thông (2)	415.030.800.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Hòa Phát - Bình Định	-	-
	2.794.432.661.318	2.021.270.312.298

(1) Theo hợp đồng số 0112/2008/HD-HP ngày 27 tháng 12 năm 2008, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát thực hiện sáp nhập với Công ty Cổ phần Thép cán tấm Kinh Môn. Ngày 5 tháng 1 năm 2009, việc hợp nhất thành Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã được chính thức phê duyệt theo giấy phép kinh doanh sửa đổi lần thứ sáu số 0403000659 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp.

(2) Công ty thực hiện mua lại 99,71% cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản An Thông vào ngày 3 tháng 6 năm 2009. Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản An Thông thành lập theo Giấy đăng ký kinh doanh số 5100232444 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Giang cấp ngày 5 tháng 2 năm 2007. Theo nghị quyết số 16/NQHP-2009 ngày 17 tháng 6 năm 2009, Hội đồng Quản trị nhất trí tăng vốn cổ phần lên 200 tỷ đồng Việt Nam, trong đó Hòa Phát góp thêm 130 tỷ và tăng tỷ lệ sở hữu lên 99,9%.

Chi tiết thông tin về các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát	Hà Nội	99,64%	Chuyên kinh doanh máy xây dựng vừa và nhỏ, máy khai thác đá phục vụ cho các công trình xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, là đại lý độc quyền cung cấp thiết bị xây dựng. Sản xuất hàng nội thất phục vụ văn phòng, gia đình, trường học bằng gỗ và sắt; buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (chủ yếu là hàng nội thất); và đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.
Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát	Hưng Yên	99,50%	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

Chi tiết thông tin về các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau (tiếp theo):

<i>Tên công</i>	<i>Nơi thành lập và hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết nắm giữ</i>	<i>Hoạt động chính</i>
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	Hà Nội	99,82%	Sản xuất các loại ống thép và sản phẩm thép cán. Sản xuất và kinh doanh nguyên vật liệu và các sản phẩm nhựa Plastic, sản xuất, lắp ráp, sửa chữa, bảo hành hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện dân dụng, điều hòa không khí. Sản phẩm chính của công ty mang nhãn hiệu Funiki bao gồm: bình nước nóng, điều hòa.
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	Hưng Yên	99,67%	Xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà và văn phòng, đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp.
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	Hà Nội	99,67%	Kinh doanh mua bán, nhập khẩu các loại thép cuộn, thép tấm, ống mạ kẽm, ống đúc, và sắt thép phế liệu.
Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	Hà Nội	99,00%	Sản xuất sắt, thép, gang; khai thác quặng sắt; khai thác và thu gom than non.
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát	Hải Dương	85,00%	Thăm dò khoáng sản theo các địa điểm được chính phủ CHDCND Lào cấp phép.
Công ty TNHH Hòa Phát Lào	Lào	100,00%	Thăm dò, khai thác, tuyển luyện quặng, mua bán, xuất nhập khẩu khoáng sản; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; vận tải hàng hóa đường sắt đường bộ.
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản An Thông	Hà Giang	99,9%	Sản xuất thép, gang, rút sợi dây thép, điều hòa, tủ lạnh, máy giặt, bàn, ghế, giường, tủ. Đúc kim loại. Khai thác và bán buôn kim loại và quặng kim loại. Xây dựng nhà các loại, các công trình dân dụng.
Công ty TNHH Một thành viên Hòa Phát – Bình Định	Bình Định	100%	

13.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Giá trị đầu tư</i>	
	<i>Số cuối năm VNĐ</i>	<i>Số đầu năm VNĐ</i>
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát	73.500.000.000	73.500.000.000
Công ty Cổ phần Xi Măng Hòa Phát	300.000.000.000	300.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phát Á Châu	151.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Năng lượng Hòa Phát (3)	390.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Khai khoáng Hòa Phát - SSG	-	-
	914.500.000.000	373.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

(3) Công ty thực hiện mua lại 50% cổ phần của Công ty Cổ phần Năng lượng Hiệp Sơn vào ngày 10 tháng 6 năm 2009. Công ty Cổ phần Năng lượng Hiệp Sơn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 08002385380 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp ngày 30 tháng 8 năm 2007. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 số 08002385380 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp ngày 19 tháng 6 năm 2009 Công ty Cổ phần Năng lượng Hiệp Sơn đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Năng lượng Hòa Phát.

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

<i>Tên công ty</i>	<i>Nơi thành lập và hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết nắm giữ</i>	<i>Giá trị đầu tư ghi nhận tại Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009</i>	<i>Hoạt động chính</i>
			VNĐ	
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát	Hưng Yên	49%	73.500.000.000	Khai thác và thu gom than; khai thác quặng; khai thác đá; sản xuất sắt thép.
Công ty Cổ phần Xi măng Hòa Phát	Hà Nam	50%	300.000.000.000	Sản xuất và tiêu thụ clinker, xi măng; sản xuất và kinh doanh phụ liệu và các chất phụ gia xi măng; khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng.
Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phát Á Châu	Hà Nội	30%	151.000.000.000	Xây dựng nhà, công trình dân dụng, chuyên dụng; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; kinh doanh vật liệu xây dựng.
Công ty Cổ phần năng lượng Hòa Phát	Hải Dương	50%	390.000.000.000	Khai thác và thu gom than các loại; Sản xuất, buôn bán than Coke, các sản phẩm dầu mỏ tinh chế; buôn bán than luyện cốc các loại.
Công ty Cổ phần Khai khoáng Hòa Phát - SSG	Kon tum	40%	-	Khai thác và thu gom than; khai thác quặng; khai thác đá; sản xuất sắt thép; trồng và chăm sóc rừng.
			<u>914.500.000.000</u>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.348.481.519	2.387.444.342
	2.348.481.519	2.387.444.342

15. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương	7.303.845.630	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, chi nhánh Thăng Long	27.730.324.204	2.138.612.793
Ngân hàng Cổ phần Ngoại thương Chi nhánh Thành Công	34.186.572.585	66.959.644.214
Ngân hàng HSBC, chi nhánh Hà Nội	75.911.225.615	33.150.857.518
Ngân hàng ANZ chi nhánh Hà Nội	157.270.028.213	84.469.443.641
Ngân hàng Sacombank chi nhánh Thăng Long	3.835.416.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển, chi nhánh Hà Thành	176.142.062.827	37.223.130.164
Trái phiếu chuyển đổi	1.120.000.000.000	-
	1.602.379.475.074	223.941.688.330

Các khoản vay ngân hàng có thời hạn từ 3 đến 6 tháng. Các khoản vay bằng đô la Mỹ có lãi suất hàng năm từ 3,7% đến 4,5% và các khoản vay bằng đồng Việt Nam có lãi suất hàng năm từ 10,3% đến 12%.

Ngày 30 tháng 11 năm 2009, Công ty đã phát hành 1.120.000 trái phiếu chuyển đổi, chi tiết như sau:

<i>Loại trái phiếu</i>	<i>Số lượng trái phiếu</i>	<i>Mệnh giá VNĐ</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Thời hạn trái phiếu</i>	<i>Giá chuyển đổi VNĐ</i>
Trái phiếu chuyển đổi	1.120.000	1.000.000	0%	1 năm	56.000/cổ phiếu

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Thuế giá trị gia tăng	11.083.001.288	13.620.974.818
Thuế xuất, nhập khẩu	3.289.625.205	1.505.173.795
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 25.2)	54.836.789.369	2.245.946.199
Thuế thu nhập cá nhân	89.060.641	68.232.631
	69.298.476.503	17.440.327.443

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Trích trước tiền điện	2.675.462.007	2.023.548.758
Trích trước lãi vay	685.429.776	364.984.679
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	719.602.142	485.998.417
	4.080.493.925	2.874.531.854

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Bảo hiểm xã hội	423.500	11.798.666
Phải trả tiền cổ tức	788.180.000	837.360.000
Kinh phí công đoàn	30.572.459	15.233.459
Chiết khấu bán hàng	3.728.364.620	2.559.944.287
Đặt cọc	17.427.042.040	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	3.273.263.799	878.355.450
	25.247.846.418	4.302.691.862

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Thặng dư vốn cổ phần</i>	<i>Quỹ dự phòng tài chính</i>	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	<i>Tổng cộng</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Năm trước:						
Số dư đầu năm	1.320.000.000.000	1.315.000.000.000	14.929.217.000	250.254.312.182	-	2.900.183.529.182
- Tăng vốn trong năm	82.600.000.000	446.160.000.000	-	-	-	528.760.000.000
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	420.779.990.000	-	-	(420.779.990.000)	-	-
- Cổ phiếu thưởng	140.259.990.000	(140.259.990.000)	-	-	-	-
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	789.387.094.447	-	789.387.094.447
- Điều chỉnh thuế TNDN năm 2007	-	-	-	12.064.335.813	-	12.064.335.813
- Trích quỹ	-	-	23.545.535.000	(43.169.535.000)	-	(19.624.000.000)
- Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	(2.570.000.000)	-	(2.570.000.000)
- Thông báo tạm ứng cổ tức năm 2008	-	-	-	(392.727.996.000)	-	(392.727.996.000)
Số dư cuối năm	<u>1.963.639.980.000</u>	<u>1.620.900.010.000</u>	<u>38.474.752.000</u>	<u>192.458.221.442</u>	<u>-</u>	<u>3.815.472.963.442</u>
Năm nay:						
Số dư đầu năm	1.963.639.980.000	1.620.900.010.000	38.474.752.000	192.458.221.442	-	3.815.472.963.442
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	1.197.994.908.171	-	1.197.994.908.171
- Chia cổ tức	-	-	-	(392.727.996.000)	-	(392.727.996.000)
- Trích quỹ	-	-	30.823.000.000	(70.823.000.000)	-	(40.000.000.000)
- Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	(9.750.000.000)	-	(9.750.000.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	(6.736.706.546)	(6.736.706.546)
Số dư cuối năm	<u>1.963.639.980.000</u>	<u>1.620.900.010.000</u>	<u>69.297.752.000</u>	<u>917.152.133.613</u>	<u>(6.736.706.546)</u>	<u>4.564.253.169.067</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Tổng số cổ tức thông báo thanh toán trong năm là 392.727.996.000 đồng Việt Nam bao gồm:

- ▶ 196.363.998.000 đồng Việt Nam cổ tức thanh toán cho năm 2008 sau khi đã trừ đi khoản cổ tức được tạm ứng trong năm 2008; và
- ▶ 196.363.998.000 đồng Việt Nam tạm ứng cổ tức cho năm 2009.

Theo Nghị Quyết số 07/NQHP-2009 ngày 31 tháng 3 năm 2009, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2008 với mức cổ tức là 3.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu tương ứng với 589.091.994.000 đồng Việt Nam. Công ty đã tạm ứng cổ tức 392.727.996.000 đồng Việt Nam trong năm 2008 và thanh toán phần còn lại trong năm 2009.

Theo Quyết định số 19.09/BB-HP ngày 19 tháng 9 năm 2009, Công ty đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức năm 2009 với mức trả là 10% mệnh giá cổ phiếu tương ứng với 196.363.998.000 đồng Việt Nam.

Trong năm Công ty đã thanh toán 392.777.176.000 đồng Việt Nam cổ tức cho các cổ đông.

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số VNĐ'000	Cổ phiếu phổ thông VNĐ'000	Cổ phiếu ưu đãi VNĐ'000	Tổng số VNĐ'000	Cổ phiếu phổ thông VNĐ'000	Cổ phiếu ưu đãi VNĐ'000
Vốn góp của cổ đồng sáng lập (theo mệnh giá)	708.120.000	708.120.000	-	708.120.000	708.120.000	-
Vốn góp của cổ đồng khác (theo mệnh giá)	1.255.519.980	1.255.519.980	-	1.255.519.980	1.255.519.980	-
	1.963.639.980	1.963.639.980	-	1.963.639.980	1.963.639.980	-

19.3 Các giao dịch về vốn với các cổ đông và chia cổ tức

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Vốn cổ phần đã phát hành		
Vốn cổ phần đã phát hành đầu năm	1.963.639.980.000	1.320.000.000.000
Vốn tăng trong năm	-	643.639.980.000
Vốn cổ phần đã phát hành cuối năm	1.963.639.980.000	1.963.639.980.000
Cổ tức đã chia	392.727.996.000	392.727.996.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.4 Cổ tức

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm	392.727.996.000	392.727.996.000
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm trước đã trả trong năm	196.363.998.000	-
Cổ tức tạm ứng trong năm	196.363.998.000	392.727.996.000

19.5 Cổ phiếu

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	196.363.998	196.363.998
Cổ phiếu phổ thông	196.363.998	196.363.998

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu (2008: 10.000 đồng/cổ phiếu).

19.6 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Quỹ dự phòng tài chính	69.297.752.000	38.474.752.000

Theo Điều lệ Công ty, hàng năm Công ty sẽ trích lập quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận sau thuế với mức trích lập không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế và được trích đến khi quỹ dự phòng bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Tổng doanh thu	4.052.349.942.705	4.258.876.995.884
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>4.052.349.942.705</i>	<i>4.258.876.995.884</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu	42.596.674.885	39.232.333.128
Chiết khấu thương mại	38.071.877.055	25.019.531.470
Hàng bán bị trả lại	4.524.797.830	10.930.499.390
Thuế xuất khẩu	-	3.282.302.268
Doanh thu thuần	4.009.753.267.820	4.219.644.662.756
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hóa	4.009.753.267.820	4.219.644.662.756

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lãi tiền cho vay	1.833.541.667	16.389.681.890
Lãi tiền gửi	46.101.526.286	59.087.184.948
Lãi đầu tư trái phiếu ngắn hạn	-	7.506.307.046
Cổ tức, lợi nhuận được chia	581.733.764.380	330.540.730.604
Lãi góp vốn thành lập Ngân hàng Hồng Việt	-	11.199.625.880
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.547.814.075	18.671.289.891
	631.216.646.408	443.394.820.259

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.276.904.509.617	3.619.425.667.905
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(94.823.574.970)	95.569.894.547
	3.182.080.934.647	3.714.995.562.452

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi phí lãi vay	19.800.089.881	22.641.667.310
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	107.610.020.048	45.684.271.182
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	118.721.039
	127.410.109.929	68.444.659.531

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i> VNĐ	<i>Năm trước</i> VNĐ
Thu nhập khác	5.261.261.442	13.247.591.474
Phạt vi phạm hợp đồng	2.748.475.290	7.408.348.786
Thu thanh lý tài sản	60.952.381	690.964.727
Thu nhập khác	2.451.833.771	5.148.277.961
Chi phí khác	457.967.306	1.433.105.636
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý và chi phí thanh lý tài sản	63.984.143	1.245.331.054
Chi phí khác	393.983.163	187.774.582
	<u>4.803.294.136</u>	<u>11.814.485.838</u>

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Năm nay</i> VNĐ	<i>Năm trước</i> VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.166.429.823.598	3.411.315.801.171
Chi phí nhân công	43.787.308.414	39.363.415.167
Chi phí khấu hao tài sản cố định	73.525.362.913	71.158.692.366
Chi phí dịch vụ mua ngoài	40.401.884.550	15.929.450.763
Chi phí khác	51.329.470.823	46.820.808.567
	<u>3.375.473.850.298</u>	<u>3.584.588.168.034</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty đang trong thời kỳ được hưởng ưu đãi về đầu tư theo các Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 01/UĐĐT-UB và số 35/UĐĐT-UB do Ủy Ban Nhân dân tỉnh Hưng Yên cấp lần lượt ngày 9 tháng 1 năm 2002 và ngày 24 tháng 5 năm 2006, và Giấy chứng nhận đầu tư số 05201000026 do Ban Quản lý khu Công nghiệp Phố Nối A cấp ngày 2 tháng 5 năm 2007.

Theo đó, với Nhà máy Cán, Công ty được miễn thuế TNDN trong 2 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho công ty trong 4 năm tiếp theo. Thuế suất áp dụng cho Công ty trong các năm sau giai đoạn miễn và giảm thuế là 25%.

Đối với Nhà máy Phôi, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế, được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho công ty trong 9 năm tiếp theo, và được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong 15 năm kể từ khi thành lập. Thuế suất áp dụng cho Công ty trong các năm sau giai đoạn miễn và giảm thuế là 25%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	71.111.457.294	58.024.803.169
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	(900.702.061)	484.176.671
	70.210.755.233	58.508.979.840

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lợi nhuận thuần trước thuế theo báo cáo trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng nhân với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty.

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lợi nhuận thuần trước thuế	1.268.205.663.404	847.896.074.287
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng		
Lợi nhuận chưa thực hiện	9.078.553.538	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	118.721.039
Chi phí không được khấu trừ khác	1.473.981.058	862.874.521
Các khoản điều chỉnh giảm		
Lỗi chưa thực hiện	-	(7.109.300.446)
Cổ tức và lợi nhuận từ các khoản đầu tư vào công ty con đã nhận trong năm	(581.733.764.380)	(330.540.730.604)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa căn trừ lỗ năm trước	697.024.433.620	511.227.638.797
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	697.024.433.620	511.227.638.797
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành	71.111.457.294	58.024.803.169
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	2.245.946.199	25.417.558.026
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) năm trước	-	(12.064.335.813)
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	18.520.614.124	69.132.079.183
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	54.836.789.369	2.245.946.199

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

25.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số khoản thuế TNDN hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ so sánh như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>	<i>VNĐ</i>
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>				
Dự phòng	324.073.085	223.013.674	101.059.411	14.397.160
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	10.595.556	(10.595.556)	96.504.532
Lãi chưa thực hiện cho hàng bán nội bộ	649.606.039	(160.632.167)	810.238.206	(595.078.363)
	973.679.124	72.977.063		
<i>Lợi ích/(chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh riêng</i>			900.702.061	(484.176.671)

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị VNĐ</i>
Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	28.652.167.295
		Mua nguyên vật liệu	2.468.776.620
		Thanh toán gốc vay	28.600.000.000
		Cho vay	21.600.000.000
		Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ	101.292.668.316
Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát	Công ty con	Cho vay	9.100.000.000
		Thanh toán gốc vay	26.000.000.000
		Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ	184.537.553.214
		Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	9.780.996.429
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	Công ty con	Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ	165.723.621.493
		Cho vay	252.400.000.000
		Thanh toán gốc vay	289.000.000.000
		Mua nguyên vật liệu	8.013.522.098
		Bán hàng hóa	4.544.661.477

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Giá trị VNĐ</i>
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	Công ty con	Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ Thanh toán gốc vay Cho vay Mua nguyên vật liệu	59.685.193.312 73.100.000.000 26.200.000.000 1.639.836.639
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ Cho vay Thanh toán gốc vay	44.778.632.240 34.354.358.859 283.300.000.000 138.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ Mua tài sản, hàng hóa, dịch vụ Chuyển lợi nhuận về công ty mẹ	53.307.595.904 215.634.122.637 36.140.369.187
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ Mua nguyên vật liệu, hàng hóa Cho vay Thanh toán gốc vay Góp vốn	199.862.857.096 69.609.286.600 277.700.000.000 130.700.000.000 144.700.000.000
Công ty TNHH Hòa Phát Lào	Công ty con	Góp vốn	8.431.549.020
Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phát – Á Châu	Công ty liên kết	Góp vốn	151.000.000.000
Công ty Cổ phần Bóng đá Hòa Phát	Công ty cùng chủ sở hữu	Quảng cáo	12.000.000.000
Trần Đình Long	Chủ tịch hội đồng quản trị	Ủy thác nhập khẩu	17.427.042.040

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu /Phải trả VNĐ</i>
<i>Phải thu khách hàng</i>			
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	239.973.490
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	1.116.807.076
Công ty Chế tạo máy Xây dựng và Khai thác mỏ Hòa Phát	Công ty con của công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	44.295.393
Công ty TNHH Quản lý Khai thác Khu công nghiệp Hòa Mạc	Công ty con của công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	15.132.770
Công ty TNHH Quản lý Khai thác Khu công nghiệp Phố Nối A	Công ty con của công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	162.205.680
Công Ty Cổ phần Thép Hoà Phát	Công ty con	Bán hàng hóa, dịch vụ	21.043.141.963
Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hòa Phát	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	192.057.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Hòa Phát	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	1.096.965.965
			<u>23.910.579.337</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu /Phải trả VNĐ</i>
<i>Phải thu khác</i>			
Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát	Công ty con	Thanh toán hộ	64.251.299
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	Công ty con	Cho vay Thanh toán hộ	63.000.000.000 10.906.254
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	Công ty con	Thanh toán hộ	7.595.186
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	Công ty con	Thanh toán hộ Cho vay	59.456.971 145.300.000.000
Công ty TNHH Thương mại Hoà Phát	Công ty con	Thanh toán hộ	8.003.069
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát	Công ty con	Thanh toán hộ Cho vay không tính lãi	56.233.180 147.000.000.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát	Công ty liên kết	Thanh toán hộ	90.000.000
Công ty Cổ Phần Năng Lượng Hòa Phát	Công ty liên kết	Thanh toán hộ Cho mượn tài sản	7.149.205 2.100.625.000
			<u>357.657.034.418</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Phải thu /Phải trả VNĐ</i>
<i>Phải trả khác</i>			
Trần Đình Long	Chủ tịch hội đồng quản trị	Ủy thác nhập khẩu	17.427.042.040
			17.427.042.040
<i>Phải trả người bán</i>			
Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát	Công ty con	Mua tài sản, hàng hóa, dịch vụ	7.875.000
Công ty Chế tạo máy Xây dựng và Khai thác mỏ Hòa Phát	Công ty con	Mua nguyên vật liệu	37.980.600
Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát	Công ty con	Mua tài sản, hàng hóa, dịch vụ	1.284.606.874
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	Công ty con	Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	875.419.519
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	Công ty con	Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	174.044.220
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	Công ty con	Dịch vụ	50.720.000
Công ty TNHH Thương mại Hoà Phát	Công ty con	Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	140.044.892
Công ty Cổ phần Thép Hoà Phát	Công ty con	Mua nguyên vật liệu, hàng hóa	39.867.267.646
			42.437.958.751

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	<i>Năm nay VNĐ</i>	<i>Năm trước VNĐ</i>
Lương và thưởng	1.035.000.000	1.330.933.122
Thù lao Hội đồng Quản trị	9.750.000.000	2.570.000.000
	10.785.000.000	3.900.933.122

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có các hợp đồng thuê đất với diện tích từ 1.130m² đến 41.694m², có thời hạn từ 3 năm đến 35 năm để phục vụ sản xuất kinh doanh.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Đến 1 năm	5.546.025.773	727.444.200
Trên 1 – 5 năm	12.167.701.642	2.324.436.800
Trên 5 năm	4.569.690.092	5.621.681.400
	22.283.417.507	8.673.562.400

Các cam kết góp vốn

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có các cam kết góp vốn vào các công ty con và công ty liên kết như sau:

Công ty nhận góp vốn	Vốn cam kết VNĐ	Đã góp đến 31 tháng 12 năm 2009	Chưa góp đến 31 tháng 12 năm 2009
		VNĐ	VNĐ
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản An Thông	199.800.000.000	69.800.000.000	130.000.000.000
Công ty TNHH Một thành viên Hòa Phát – Bình Định	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Hòa Phát - Á Châu	540.000.000.000	151.000.000.000	389.000.000.000
Công ty Cổ phần khai khoáng Hòa Phát – SSG	12.000.000.000	-	12.000.000.000
	825.623.000.000	234.201.861.318	591.421.138.682

(4) Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH Hòa Phát Lào là 3.000.000 đô la Mỹ, được quy đổi theo tỷ giá của Ngân hàng nhà nước tại thời điểm cuối kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)
Bảo lãnh

Công ty có các khoản bảo lãnh tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 như sau:

- ▶ Công ty đã bảo lãnh cho các khoản vay và nghĩa vụ thanh toán các L/C đến hạn thanh toán của Công ty Cổ phần Năng lượng Hòa Phát – công ty liên kết của Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam với số tiền tối đa là 600 tỷ đồng Việt Nam;
- ▶ Công ty đã bảo lãnh cho các khoản vay và nghĩa vụ thanh toán các L/C đến hạn thanh toán của Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát – công ty con của Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần ACB với số tiền tối đa là 300 tỷ đồng Việt Nam và 10 triệu đô la Mỹ;
- ▶ Công ty đã bảo lãnh cho các khoản vay và nghĩa vụ thanh toán các L/C đến hạn thanh toán của Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát – công ty con của Công ty với Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Thành với số tiền tối đa là 637,5 tỷ đồng Việt Nam;
- ▶ Công ty đã bảo lãnh cho các khoản vay và nghĩa vụ thanh toán các L/C đến hạn thanh toán của Công ty TNHH Ống Thép Hòa Phát – công ty con của Công ty với Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) với số tiền tối đa là 7 triệu đô la Mỹ.
- ▶ Công ty đã bảo lãnh cho các khoản vay và nghĩa vụ thanh toán các L/C đến hạn thanh toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản An Thông – công ty con của Công ty với Ngân hàng Indovina với số tiền tối đa là 300 tỷ Việt Nam đồng.

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán riêng yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng.



Kế toán trưởng
Nguyễn Thị Thanh Vân

Ngày 10 tháng 3 năm 2010



Tổng Giám đốc
Trần Tuấn Dương